TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Thọ.
Bà Hoàng Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1966.
Nơi cư trú: thôn K, xã Ch, thành phố Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã Ch, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968.
Địa chỉ: số nhà 165, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt ông Phạm Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản khai bổ sung nguyên đơn là ông Phạm Văn Tr trình bày: ông và bà Nguyễn Thị D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã Ch, thành phố Hải Phòng) vào ngày 16/4/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã Ch, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống đến tháng 2/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, đến tháng 8/2025 mâu thuẫn xảy ra đỉnh điểm thì bà D đã bỏ về ở tại số nhà 165, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình và

vợ chồng ông ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông, bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về nuôi con chung: ông và bà Nguyễn Thị D không có con chung nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: ông Phạm Văn Trkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị D nhưng bà D không có văn bản trả lời, không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Văn Tr được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn Tr phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003649 ngày 16/12/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: ông Phạm Văn Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị D ở địa chỉ: số nhà 165, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn Tr cung cấp bà Nguyễn Thị D có địa chỉ tại số nhà 165, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh giữa bà và ông Phạm Văn Tr mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

Tại phiên tòa ngày 22/4/2026 bà Nguyễn Thị D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 28/4/2026 bà Nguyễn Thị D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn Tr và bà Nguyễn Thị D kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 16/4/2024, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã Ch, thành phố Hải Phòng). Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn Tr và bà Nguyễn Thị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc sau đó mâu thuẫn giữa ông bà phát sinh do bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trong và ông bà đã ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình". Tuy nhiên bản thân ông Tr và bà D không có sự quan tâm chia sẻ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tháo gỡ những mâu

thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà D từ chối nhận văn bản tố tụng và không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 05/3/2026 tại tổ dân phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình cung cấp ông Phạm Văn Tr và bà Nguyễn Thị D kết hôn với nhau vào năm 2024, sau khi kết hôn ông Tr, bà D về Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) để sinh sống. Ông, bà ở được một thời gian ngắn thì lại về phố N, phường N để sinh sống. Quá trình sinh sống tại địa phương có sảy ra mâu thuẫn còn nguyên nhân sảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không năm được.

Từ căn cứ trên xét thấy mâu thuẫn giữa ông Tr và bà D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nếu cứ níu kéo sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của mỗi người. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn Tr là phù hợp với pháp luật.

[4] Về nuôi con chung: ông Phạm Văn Tr và bà Nguyễn Thị D không có con chung, ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung và việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: ông Phạm Văn Tr không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Văn Tr xin ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho ông Phạm Văn Tr được ly hôn bà Nguyễn Thị D.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003649 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Ông Phạm Văn Tr đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 1 – Ninh Bình;
- UBND xã Ch, thành phố Hải Phòng.
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú